

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24/01/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Tự Soái.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Mậu Thảo và bà Nguyễn Thị Kim Chung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Nguyệt Sương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Trúc Quỳnh, Kiểm sát viên.

Hồi 7 giờ 30 phút ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/HPT-QĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Ngô Thị N, sinh năm 1987

Địa chỉ: thôn K, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1988

Địa chỉ: thôn N, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo lời khai của đương sự, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

1. Về hôn nhân:

Nguyên đơn bà Ngô Thị N trình bày: Bà Ngô Thị N và ông Nguyễn Trọng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 4 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Trong quá trình chung sống vợ chồng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông T không có trách nhiệm với gia đình, chơi bời lâm vào tệ nạn rượu chè, cờ bạc, ma túy, bà N góp ý ông T không nghe mà còn nhiều lần dùng bạo lực đánh đập bà N. Nhiều lần bà N gửi đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn, ông T có hứa hẹn thay đổi cách sống nên bà N rút đơn để vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng ông T vẫn không thay đổi.

Nay bà N xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, hạnh phúc gia đình không có, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được với nhau nên bà N đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Trọng T.

2. Về con chung:

Bà N khai vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Thiện L, sinh ngày 28 tháng

5 năm 2009 và Nguyễn Thái H, sinh ngày 22 tháng 6 năm 2013.

Ly hôn, bà N có nguyện vọng xin được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thái H và không yêu cầu ông T đóng góp nuôi con.

Đối với con Nguyễn Thiện L, bà N giao cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại hồ sơ vụ án thể hiện:*

Ông Nguyễn Trọng T có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam nhưng không hợp tác theo giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo công khai chứng cứ; Thông báo về các phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để giải quyết, xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

*\* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn bà Ngô Thị N đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 186, 188, 189 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn ông Nguyễn Trọng T trong quá trình giải quyết vụ án không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, ông T vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N và ông T đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, xử cho bà N được ly hôn với ông T.

- Về quan hệ con chung: Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định cho các con, đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con là Nguyễn Thiện L và Nguyễn Thái H cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật. Bà N không yêu cầu ông T đóng góp cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án ông Nguyễn Trọng T đã cố tình trốn tránh, không hợp tác làm việc với Tòa và Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Trọng T vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Bà Ngô Thị N và ông Nguyễn Trọng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ theo trích lục kết hôn ngày 10 tháng 4 năm 2009. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận.

Sau khi xác lập quan hệ hôn nhân, trong quá trình chung sống vợ chồng đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Bà N cho rằng ông T không có trách nhiệm với gia đình, chơi bời lâm vào tệ nạn rượu chè, ma túy, cờ bạc về nhà gây gỗ và nhiều lần dùng bạo lực đánh đập bà N. Gia đình ông T cũng xác nhận là bản thân ông T không lo làm ăn, thích chơi game, ghen tuông đui đánh bà N nên bà N đã bỏ đi và vợ chồng không còn

chung sống nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nhanh là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà N có nguyện vọng nuôi con Nguyễn Thái H và cháu H cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ nên chấp nhận yêu cầu của bà N, giao cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thái H là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

Đối với con chung Nguyễn Thiện L, bà N giao cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng, mặc dù cháu L có nguyện vọng ở với cha. Tuy nhiên, gia đình ông T thừa nhận bản thân ông T không lo làm ăn, chơi bời nghiện gam, đồng thời qua xác minh địa phương thì ông T là người sử dụng ma túy, thường xuyên vắng mặt tại nhà, bất minh về thời gian đi lại nên không đảm bảo nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy nên giao con Nguyễn Thiện L cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo thực tế và quy định pháp luật.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn không ai được cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 27, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Ngô Thị N.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho bà Ngô Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Trọng T.

2. Về con chung: Giao 02 con là Nguyễn Thiện L, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2009 và Nguyễn Thái H, sinh ngày 22 tháng 6 năm 2013 cho bà Ngô Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu (L, H) đủ 18 tuổi.

Bà N không yêu cầu ông T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn không ai được cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: (Không yêu cầu giải quyết).

4. Về án phí: Bà Ngô Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) theo biên lai thu 0003521 ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

- **Về quyền kháng cáo:** Bà Ngô Thị N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Trọng Th có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết.

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Tự Soái**

